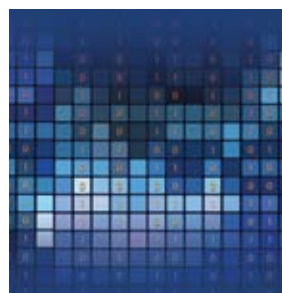
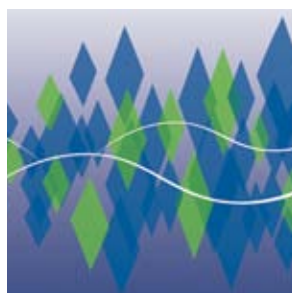




VIETFUND
MANAGEMENT

BẢN TIN | VFM

Quý II/2012



Phát hành ngày 27.07.2012
www.vinafund.com

PHIẾU ĐĂNG KÝ NHẬN THÔNG TIN

Để nâng cao chất lượng của việc cung cấp thông tin đến Quý nhà đầu tư, chúng tôi rất mong nhận được thông tin cập nhật của quý vị về địa chỉ cũng như phương thức nhận thông tin. Vui lòng điền vào phiếu này và gửi về cho công ty VFM. Chân thành cảm ơn Quý vị!

A. Cập nhật thông tin nhà đầu tư:

Họ và tên Nhà đầu tư:.....

Là nhà đầu tư: cá nhân tổ chức

Các quỹ đã đầu tư: VF1 VF2 VF4 VFA Dịch vụ AM

Số CMND:.....Số điện thoại:.....ĐT di động:.....

Email:

Địa chỉ liên hệ:

B. Nhận thông tin về tình hình hoạt động quỹ:

Tôi hài lòng với việc cập nhật các thông tin về hoạt động của công ty và các quỹ được đăng tải trên website của công ty VFM www.vinafund.com

Tôi mong muốn nhận được thông tin, báo cáo hoạt động quỹ, công ty vui lòng:

gửi email cho tôi

gửi bản in đến địa chỉ của tôi

gửi bản in đến công ty chứng khoán nơi tôi giao dịch (ghi rõ tên CTCK & địa chỉ)

Tên CTCK:

Địa chỉ:

đề nghị khác

Vui lòng gửi bảng Phiếu đăng ký địa chỉ nhận thông tin này về cho chúng tôi theo một trong các cách sau:

1. Gửi thư về:

Công ty Cổ phần quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Phòng 1701-04, Tòa nhà Melinh Point, Số 2 Ngõ Đúc Kế, Quận 1, Tp. HCM

2. Fax về: 08 – 3825 1489

3. Email về: ir@vinafund.com

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý vị. Trân trọng cảm ơn!

Kính thưa Quý Nhà đầu tư,

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) trân trọng thông báo đến Quý nhà đầu tư **Bản tin Quý II/2012.**

Số liệu về kinh tế vĩ mô trong Quý II/2012 cho thấy GDP cuối quý tăng nhẹ so với Quý I/2012, cho thấy kinh tế sẽ tiếp tục tăng trưởng với tốc độ chậm, tăng trưởng tín dụng thấp. Trên thị trường chứng khoán, nợ xấu của của hệ thống ngân hàng cao và lo ngại kết quả kinh doanh kém của Quý II làm thị trường chứng khoán giảm điểm, giá trị giao dịch bình quân giảm đáng kể so với Quý I/2012. Chi tiết báo cáo, quý nhà đầu tư vui lòng xem thêm tại mục **“Kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán”** tại trang 6-7.

Cập nhật giá trị tài sản ròng (NAV) của các quỹ:

Tên Quỹ	NAV (đồng/đvq) tại ngày 30/06/2012	NAV (đồng/đvq) tại ngày 31/03/2012
Quỹ đầu tư VF1	15.520	19.052
Quỹ đầu tư VF4	6.689	7.802
Quỹ đầu tư VFA	7.224	8.595

Quý nhà đầu tư có thể xem các **báo cáo NAV** và các **Điểm tin tháng, Bản tin Quý** tại website www.vinafund.com, trang **Quan hệ nhà đầu tư**.

Mọi thắc mắc liên quan đến hoạt động của các Quỹ hoặc các ý kiến đóng góp, Quý nhà đầu tư vui lòng liên hệ trực tiếp đến đường dây nóng 08 – 3825 1480 hoặc email tại địa chỉ ir@vinafund.com để được giải đáp.

Trân trọng cảm ơn,



PHẠM KHÁNH LYNH
Phó Tổng Giám đốc

MỤC LỤC

Kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Quý II/2012

Kinh tế vĩ mô	6
Thị trường chứng khoán	7

Tình hình hoạt động và đầu tư của Quỹ

Quỹ đầu tư VF1	8
Quỹ đầu tư VF2	10
Quỹ đầu tư VF4	12
Quỹ đầu tư VFA	14

Công ty điển hình

Công Ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh (REE).....	16
Công Ty Cổ Phần Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	17

Tình hình giao dịch và Thông tin pháp lý	18
--	----

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong báo cáo được công ty VFM xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng. Tuy nhiên, Công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong báo cáo này. Quan điểm, dự báo và các ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của công ty VFM và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các vấn đề thuộc các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo sau này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN QUÝ II/2012

KINH TẾ VĨ MÔ

Tăng trưởng tín dụng thấp: khách hàng tốt không chấp nhận lãi suất cao, khách hàng rủi ro không được vay

Tín dụng sáu tháng đầu năm chỉ tăng 0,4%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 12% của Chính phủ, trong khi cung tiền M2 tăng 6,8%. Lo ngại nợ xấu gia tăng là một trong những lý do chủ yếu. Trong điều kiện kinh tế hiện nay, những doanh nghiệp tốt không thực sự muốn vay với lãi suất cao trong khi các khách hàng rủi ro không được vay do tình hình tài chính giảm sút. Điều này làm tổn hại đến tăng trưởng kinh tế mặc dù lạm phát đã được kiểm soát. Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tín dụng phải được mở rộng ở quy mô hợp lý, nhờ vào một kế hoạch rõ ràng để giải quyết nợ xấu và tái cấu trúc hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, Chính phủ vẫn chưa đưa ra một phương án cụ thể như vậy khi cho rằng không thể dùng tiền mặt để giải quyết nợ xấu, lo ngại lạm phát tăng trở lại. Thay vào đó, Chính phủ cho rằng sẽ sử dụng các công cụ tài chính và pháp lý để giải quyết nợ xấu. Chúng tôi vẫn chưa rõ liệu Chính phủ sẽ đưa ra các công cụ tài chính nào và hy vọng một phương án cụ thể giải quyết nợ xấu sẽ được trình vào tháng 8/2012.

Quá trình tái cấu trúc ngân hàng sẽ được đẩy mạnh với 9 ngân hàng được sáp nhập hoặc mua lại

Nợ xấu tăng cao, lãi suất cho vay thực chưa giảm, còn khoảng 16%-17%, cho dù các mức lãi suất điều hành giảm, là một nguyên nhân khác giải thích tăng trưởng tín dụng thấp. Trong lúc một số ngân hàng huy động ở mức 9%, một số ngân hàng khác vẫn phải huy động ở mức 12%-13%. Do đó, để giảm chi phí vốn của ngân hàng, lãi suất huy động trần cần phải được kiểm soát chặt chẽ.

Thủ Tướng đã yêu cầu Ngân hàng Nhà nước đẩy nhanh quá trình tái cấu trúc ngân hàng, sau khi đã có hai thương vụ sáp nhập gần đây. Theo đó, vào ngày 5/7, Ngân hàng Nhà nước đã hoàn tất phương án tái cấu trúc 9 ngân hàng, hy vọng đẩy nhanh tiến trình tái cấu trúc trong Quý III/2012. Trên cơ sở đó, chúng tôi cho rằng lãi suất cho vay sẽ giảm xuống khoảng 12%-14%.

Chính phủ điều chỉnh giảm mục tiêu tăng trưởng, từ 6%-6,5% xuống mức thực tế hơn 5,2%-5,7%

Trong Quý II, GDP tăng trưởng 4,7% so với 4,1% của Quý I, đưa tăng trưởng GDP của nửa đầu năm 2012 lên 4,4%. Sản xuất công nghiệp và xây dựng là nguyên nhân chủ yếu của suy giảm và chỉ đạt 3,8% trong sáu tháng đầu năm so với 5,8% của nửa đầu năm 2011. Dịch vụ đóng góp ít hơn vào suy giảm với mức tăng 5,6% so với 6,2% trong nửa đầu năm 2011. Khu vực nông nghiệp cũng không là ngoại lệ, giảm từ mức tăng 3,9% xuống 2,8% trong nửa đầu năm 2012. Theo đó, Chính phủ đã điều chỉnh giảm mục tiêu tăng trưởng từ 6%-6,5% xuống mức hợp lý 5,2%-5,7%. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng tăng trưởng GDP 5,2% cũng sẽ là một thành công khi tăng trưởng tín dụng sẽ chỉ ở khoảng 8% so với 15% để ra. Chỉ số PMI do Markit công bố cho tháng 6 ở mức 46,6, thấp nhất từ tháng Hai, làm cho lo ngại của chúng tôi có cơ sở hơn. Chúng tôi tin rằng nền kinh tế sẽ ở đây vào khoảng Quý III/Quý IV năm 2012.

Chỉ số VN-Index giảm 4,3% với thanh khoản thị trường thấp

VN-Index đạt 422 điểm vào cuối tháng 6, giảm 4,3% so với cuối Quý I/2012. Giá trị giao dịch bình quân giảm xuống còn khoảng 1.480 tỷ trong tháng 6 so với khoảng 2.008 tỷ trong tháng 5. Tình trạng méo mó của chỉ số VN-Index càng trầm trọng hơn sau khi Vietcombank niêm yết toàn bộ cổ phiếu và PV Gas lên sàn, được chứng minh bằng việc sụt giảm bình quân của các cổ phiếu cao hơn mức giảm bình quân của chỉ số này. Nhóm cổ phiếu bảo hiểm rớt giá mạnh nhất, giảm 37% với Bảo Việt (BVH) giảm 41% trong quý. BVH được mua bán ở mức PE năm 2012 khoảng 23 lần và giá BVH được điều chỉnh mạnh sau khi không còn được ưu ái bởi các quỹ ETF và tăng trưởng chậm lại. Nhóm Ngân hàng giảm 5,3% trong khi nhóm Bất động sản tăng 7,7%.

Nợ xấu của hệ thống ngân hàng cao và lo ngại kết quả kinh doanh kém của Quý II làm thị trường chứng khoán giảm điểm

Nợ xấu của hệ thống ngân hàng cao và lo ngại kết quả kinh doanh kém của Quý II làm thị trường chứng khoán giảm điểm. Quá trình tái cấu trúc ngân hàng đang được đẩy mạnh nhưng dường như thị trường khá thất vọng với thời hạn để ra vào đầu tháng 6 không thực hiện được. Do đó, lãi suất cho vay thực tế đã không giảm như mong đợi và vẫn ở mức 16%-17% vào tháng 7. Cho dù tỷ lệ nợ xấu được báo cáo ở mức 4,1%, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ước tính ở mức 10%, gần bằng với 11,5% ước tính của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia. Đây là dấu hiệu tích cực khi Chính phủ chính thức công nhận quy mô thực tế của nợ xấu.

Sản xuất công nghiệp suy giảm với chỉ số PMI giảm xuống 46,6 trong tháng 6 so với 48,3 trong tháng 5. Do đó, lợi nhuận Quý II của doanh nghiệp có nhiều khả năng không như thị trường mong đợi, phản ánh vào tình hình thị trường hiện nay. Ở mức định giá hiện nay, chúng tôi ước tính 60 cổ phiếu lớn nhất thị trường đang giao dịch ở mức PE 9 lần và tăng trưởng EPS 17%. Lợi tức cổ phiếu của nhiều công ty lớn và vừa đang cao hơn lãi suất tiền gửi. Trong ngắn hạn, thị trường có thể giảm nhưng không lớn do mức định giá hiện nay là khá hấp dẫn.

QUỸ ĐẦU TƯ

VF1

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Chứng Khoán Việt Nam (VF1)
Tên tiếng Anh	Vietnam Securities Investment Fund
Mã giao dịch	VFMVF1
Hình thức Quỹ	Quỹ công chúng dạng đóng
Vốn điều lệ	1.000.000.000.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	100.000.000 đvq
Ngày thành lập	20/05/2004
Ngày niêm yết	8/11/2004
Thời hạn hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí giám sát & lưu ký	0,08%/NAV/năm

Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của ĐHNĐT
-------------------	-------------------------------------

Mục tiêu đầu tư	Đầu tư vào các cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) có tiềm năng tăng trưởng, chứng khoán nợ và các công cụ tiền tệ khác nhằm xây dựng mục tiêu đầu tư cân bằng.
-----------------	--

Tình hình hoạt động quỹ - Quý II / 2012

Trong Quý II năm 2012, do những khó khăn từ nội tại của nền kinh tế và những ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng nợ công từ Châu Âu, thị trường chứng khoán Việt Nam có xu hướng sụt giảm từ khối lượng giao dịch đến thị giá khi càng về gần những ngày cuối quý. Kết thúc ngày 30/06/2012, VN-Index đạt 422,4 điểm và giảm 4,2% so với Quý I trong khi HN-Index về lại 71,1 điểm và giảm 1,6% so với quý trước. Tuy nhiên, Quỹ đầu tư VF1 đã ghi nhận mức tăng trưởng dương trong Quý II và cho kết quả tốt hơn hai chỉ số VN-Index và HNX-Index.

Kết thúc QII/2012, NAV của Quỹ đầu tư VF1 đạt 15.520 đồng/chứng chỉ quỹ, tăng 4,0% so với Quý I.

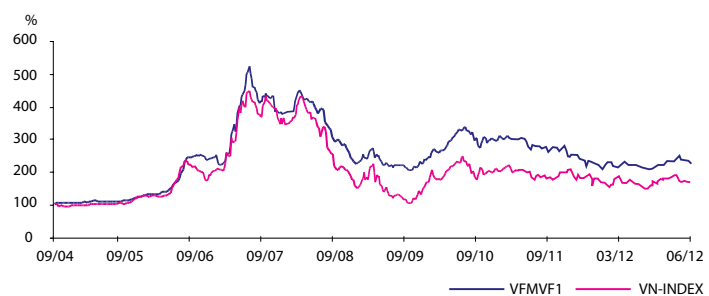
Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	30/6/2012			Tăng trưởng (%)					
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (20/05/2004)
VF1	1.000	1.552	15.520	(0,9)	4,0	19,5	(2,4)	19,5	55,2(*)
VN-Index			422,4	(1,6)	(4,2)	20,1	(1,2)	20,1	61,5
HNX-Index			71,1	(4,1)	(1,6)	21,0	(0,4)	21,0	(28,9)

(*) Đã bao gồm cổ tức 15% thanh toán cho nhà đầu tư vào ngày 12/5/2010

Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index

20/05/2004 = 100



5 CP chiếm tỷ trọng lớn nhất

Tên cổ phiếu	Thị trường	Tỷ trọng trong NAV (%)
DPM	HOSE	14%
VNM	HOSE	10%
FPT	HOSE	8%
NTL	HOSE	8%
EIB	HOSE	7%
Tổng		47%

Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	So với đầu năm	Bình quân năm
2012	4,9	10,2	(0,6)	10,7	(5,2)	(0,9)							19,5	42,9
2011	2,2	(10,7)	(1,8)	(5,2)	(10,2)	1,6	(4,7)	4,5	(3,1)	(3,1)	(12,7)	(3,6)	(38,9)	(38,9)
2010	(0,8)	0,6	2,3	7,0	(4,6)	0,2	1,3	(7,9)	(0,2)	(0,6)	(3,9)	1,4	(8,2)	(8,2)
2009	(1,4)	(7,5)	4,5	8,6	10,7	8,4	7,7	14,3	8,5	(0,6)	(8,6)	1,5	50,9	50,9
2008	(6,0)	(15,0)	(15,7)	(9,0)	(20,0)	(4,2)	6,7	14,2	(9,7)	(14,0)	(1,0)	0,6	(55,8)	(55,8)
2007	25,0	47,6	33,0	19,9	24,9	0,1	(3,5)(*)	(2,1)	5,8	8,8	(4,2)	(2,1)	46,1(*)	46,1(*)
2006	6,0	14,7	10,3	33,5	4,0	3,2	(8,4)	1,3	4,7	(4,4)(*)	15,2	31,0	175,1(*)	175,1(*)
2005	0,04	2,4	1,1	(2,4)	0,2	0,5	0,2	3,5	5,6	5,8	4,7	1,2	25,2	25,2
2004						1,0	(0,6)	(0,2)	0,3	0,6	(0,2)	0,6	1,6	3,2

(*) Tính trên vốn bình quân

Đánh giá tình hình danh mục đầu tư

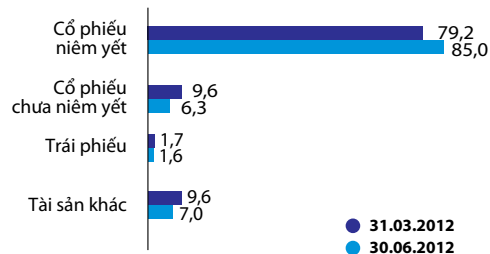
	Lãi/lỗ (%)		Tỷ trọng trong NAV (%)
	Quý II/2012	Lũy kế từ đầu năm	
Tăng trưởng NAV (%)	4,0	19,5	100
Tổng các khoản đầu tư	4,5	17,9	93,0
Theo loại cổ phiếu			
Cổ phiếu niêm yết	5,4	20,0	85,0
Cổ phiếu chưa niêm yết	(5,6)	(3,5)	6,3
Trái phiếu	0,0	0,0	1,6
5 ngành chiếm tỷ trọng cao nhất			
Vật liệu	13,3	34,0	20,5
Thực phẩm, NGK & Thuốc lá	(1,1)	6,4	12,7
Bất động sản	17,1	35,6	12,7
Ngân hàng	2,4	3,7	10,2
Dịch vụ tài chính	2,0	15,8	7,9

Trong Quý II/2012, nhóm cổ phiếu niêm yết của Quỹ đầu tư VF1 chiếm 85,0% NAV đã tăng 5,4% và cao hơn mức tăng trưởng của chỉ số VN-Index và HNX-Index trong cùng kỳ. Trái lại, nhóm cổ phiếu chưa niêm yết chiếm 6,3% NAV giảm 5,6% so với Quý IV/2011.

Trong 5 ngành có tỷ trọng cao nhất trong danh mục, ngành Bất động sản chiếm 12,7% NAV có tỷ suất sinh lợi là 17,1% so với Quý I. Ngành Vật liệu với tỷ trọng 20,5% NAV tăng 13,3% so với Quý I. Trái lại, ngành Thực phẩm – Nước giải khát cho tăng trưởng âm 1,1% trong kỳ.

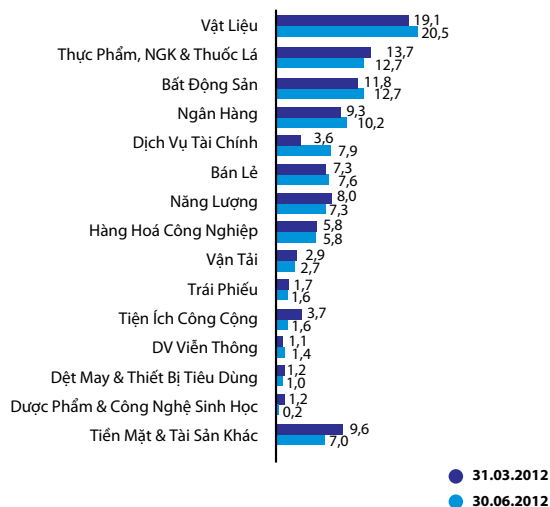
Theo lũy kế năm 2012, các ngành Bất động sản, Vật liệu, Tài chính, Thực phẩm – Nước giải khát và Ngân hàng lần lượt có tỷ suất sinh lợi là 35,6%, 34,0%, 15,8%, 6,4%, và 3,7% so với 31/12/2011.

Phân bổ tài sản (%)



Trong Quý II/2012, Quỹ đầu tư VF1 đã thực hiện thanh toán một số cổ phiếu chưa niêm yết và giảm tỷ trọng của nhóm cổ phiếu chưa niêm yết xuống 6,3% NAV. Trong khi đó, tỷ trọng của các cổ phiếu niêm yết đã tăng lên 85% NAV do hoạt động giải ngân mạnh và sự tăng giá mạnh của các cổ phiếu niêm yết nhóm này. Hoạt động giải ngân trong Quý cũng đã làm cho tỷ trọng tiền mặt giảm từ 9,6% NAV tại 31/03/2012 xuống 7% NAV tại 30/06/2012.

Cơ cấu danh mục đầu tư (%)



Tại ngày 30/06/2012, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ đầu tư VF1 thay đổi khá nhiều so với cuối Quý I. Tỷ trọng của ngành Dịch vụ Tài chính đã tăng lên 7,9% NAV và lọt vào 5 ngành chiếm tỷ trọng cao nhất trong danh mục chủ yếu do hoạt động giải ngân vào ngành này. Trái lại, tỷ trọng ngành Tiện ích công cộng giảm mạnh từ 3,7% NAV xuống 1,65% NAV do hoạt động thanh toán trong kỳ. Tỷ trọng của ngành Dược phẩm cũng giảm xuống 0,2% NAV do thị giá cổ phiếu ngành Dược phẩm sụt giảm trong Quý II.

Đến thời điểm 30/06/2012, tỷ trọng 5 ngành chính là Vật liệu, Thực phẩm – Nước giải khát, Bất động sản, Ngân hàng và ngành Dịch vụ tài chính chiếm 63,9% NAV trong danh mục.

QUỸ ĐẦU TƯ

VF2

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VF2)
Tên tiếng Anh	Vietnam Growth Investment Fund
Hình thức Quỹ	Quỹ thành viên
Vốn điều lệ	962.972.500 tỷ đồng
Ngày thành lập	13/12/2006
Thời hạn hoạt động	5 năm, và được gia hạn đến ngày 12/12/2014
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC – CN. Tp. HCM
Phí quản lý	1,0%/NAV/năm
Phí giám sát và lưu ký	0,12%/NAV/năm

Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của ĐHTVGV
--------------------------	--------------------------------------

Mục tiêu đầu tư Tối ưu hóa các cơ hội đầu tư tăng trưởng cao từ quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp, và hỗ trợ các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính, phát triển hệ thống quản trị, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm gia tăng giá trị của các dự án đầu tư.

Tình hình hoạt động quỹ - Quý II / 2012

Trong Quý II/2012, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn có được đà tăng điểm đến tháng 5 trước khi quay đầu giảm nhẹ trong giai đoạn cuối quý.

Đóng cửa phiên giao dịch ngày 30/06/2012, VN-Index đạt 422,4 điểm, giảm -4,2% so với quý trước, HNX-Index đạt 71,1 điểm, giảm -1,6% so với quý trước.

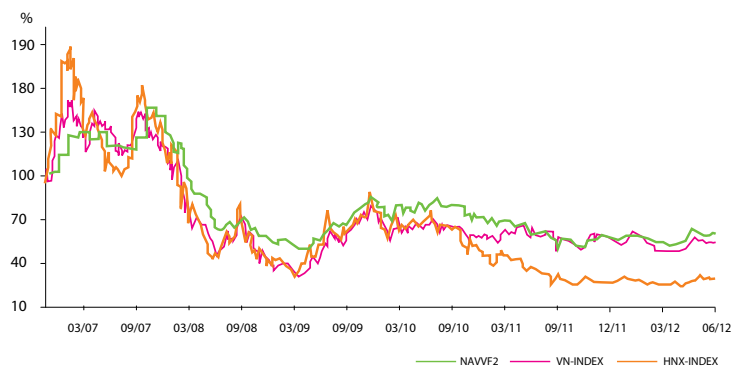
Tại ngày 30/06/2012, NAV của Quỹ VF2 tăng 2,3% so với quý trước. NAV trên một đơn vị quỹ đạt 5.535 đồng

Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	30/6/2012			Tăng trưởng (%)					
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (13/12/2006)
VF2	963,0	533,5	5.535	0,3	2,3	14	(1,1)	14	(39,6)
VN-Index			422,4	(1,6)	(4,2)	20,1	(1,2)	20,1	(45,5)
HNX-Index			71,1	(4,1)	(1,6)	21,0	(0,4)	21,0	(71,0)

Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của VN-Index

13/12/2006 = 100



5 CP chiếm tỷ trọng lớn nhất

Tên cổ phiếu	Thị trường	Tỷ trọng trong NAV (%)
BV TIM TÂM ĐỨC	OTC	7,1%
DPM	HOSE	4,8%
VCB	HOSE	4,4%
FPT	HOSE	4,1%
PVD	HOSE	4,0%
Tổng		24,4%

Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	So với đầu năm	Bình quân năm
2012	3,6	6,5	1,0	4,6	(2,5)	0,3							13,9	29,8
2011	0,7	(8,9)	(2,7)	(2,9)	(7,1)	3,9	(3,4)	3,5	(0,6)	(3,3)	(7,7)	(2,8)	(27,9)	(27,9)
2010	(2,5)	(0,4)	0,2	7,8	(3,0)	(0,3)	(1,5)	(8,1)	(1,4)	(1,4)	(2,2)	(2,9)	(15,2)	(15,2)
2009	(2,4)	(6,9)	1,9	8,8	8,0	8,3	5,6	11,1	5,6	0,1	(8,7)	6,4	42,0	42,0
2008	(3,0)	(10,8)	(11,1)	(4,3)	(*) (20,8)	(4,8)	2,8	7,4	(9,0)	(10,8)	(2,2)	(0,2)	(51,5)	(51,5)
2007	12,0	11,0	2,2	(3,1)	2,2	(5,8)	(1,8)	(1,0)	6,6	15,1	0,1	(3,1)	27,2	27,2
2006													2,5	35,0

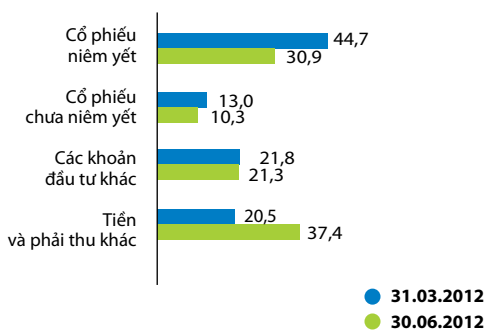
(*) Quỹ VF2 trả cổ tức 8% trên vốn bình quân giai đoạn 13/12/2006 – 31/12/2007 trong tháng 05/2008

Đánh giá tình hình danh mục đầu tư

	Lãi/lỗ (%)		Tỷ trọng trong NAV (%)
	Quý II/2012	Lũy kế từ đầu năm	
Tăng trưởng NAV (%)	2,3	14	100,0
Tổng các khoản đầu tư	2,0	15,1	62,5
Theo loại cổ phiếu			
Cổ phiếu niêm yết	6,8	31,8	30,9
Cổ phiếu chưa niêm yết & Upcom	(11,6)	(9,7)	10,3
5 ngành chiếm tỷ trọng cao nhất			
Dược phẩm & Công nghệ Sinh học	(21,2)	(17,4)	7,7
Hàng hóa Công nghiệp	13,8	33,9	7,3
Vật liệu	10,8	57,4	4,8
Năng lượng	(4,2)	13,1	4,8
Ngân hàng	1,7	40,8	4,4

Trong Quý II, nhóm cổ phiếu niêm yết trong danh mục tăng mạnh và sinh lợi tốt hơn cả 2 chỉ báo VN-Index và HNX-Index, cho tỷ suất sinh lợi là 6,8% so với cuối quý trước. Trái lại, nhóm cổ phiếu chưa niêm yết có thị giá biến động giảm và ghi nhận mức lỗ -11,6% so với quý trước. Trong khi đó, danh mục cũng ghi nhận sự phân hoá lợi nhuận giữa các ngành trong nhóm 5 ngành có tỷ trọng lớn nhất danh mục. Ngành Hàng hoá Công nghiệp, Vật liệu, Ngân hàng lần lượt ghi nhận lợi nhuận là 13,8%, 10,8%, 1,7% nhờ thị giá cổ phiếu tăng trong kỳ. Trái ngược lại là ngành Dược phẩm & Công nghệ Sinh học và ngành Năng lượng lần lượt ghi nhận tỷ suất lợi nhuận âm là -21,2% và -4,2%.

Phân bổ tài sản (%)



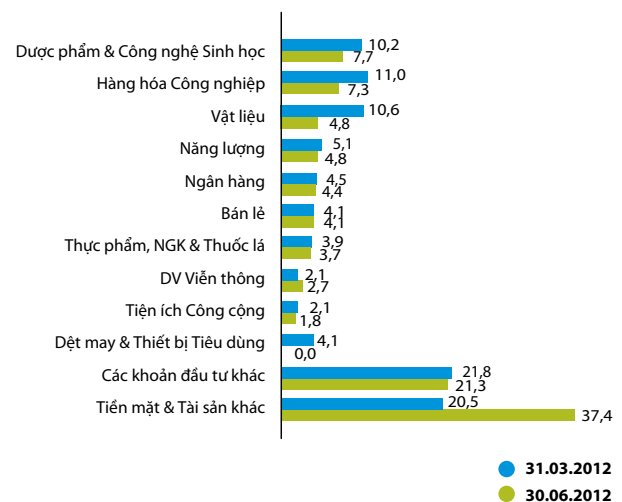
Trong Quý II, Quỹ đầu tư VF2 tiếp tục thanh toán một vài mã cổ phiếu và giảm tỷ trọng cổ phiếu niêm yết từ 44,7% tại 31/03/2012 xuống còn 30,9% tại 30/06/2012. Tỷ lệ tiền mặt tăng từ 20,5% tại 31/03/2012 lên mức 37,4% tại 30/06/2012. Trong khi đó, tỷ trọng cổ phiếu

chưa niêm yết & Upcom giảm xuống 10,3% do thị giá giảm trong quý.

Khoản đầu tư khác giảm tỷ trọng từ 21,8% xuống 21,3%.

Cơ cấu tài sản phân loại theo giá trị vốn hóa lần lượt là 24,5% cho vốn hóa lớn, 3,0% cho vốn hoá vừa, 13,8% cho vốn hoá nhỏ.

Cơ cấu danh mục đầu tư (%)



Trong Quý II, Quỹ đầu tư VF2 đã tiến hành thanh toán toàn bộ cổ phiếu của ngành Dệt may & Thiết bị tiêu dùng do cổ phiếu đã đạt được giá bán hợp lý. Ngoài ra, tỷ trọng của ngành Hàng hoá Công nghiệp và Vật liệu cũng giảm do có cổ phiếu được thanh toán trong kỳ. Do hầu hết cổ phiếu giảm thị giá trong kỳ, tỷ trọng các ngành khác cũng giảm nhẹ so với Quý I.

Tính đến cuối tháng 06/2012, Danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư VF2 bao gồm 16 khoản đầu tư (11 mã niêm yết, 3 mã chưa niêm yết, 1 mã trên Upcom, và 1 khoản đầu tư khác), tập trung vào 9 nhóm ngành, trong đó 5 nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất bao gồm:

- Dược phẩm & Công nghệ Sinh học (7,7%)
- Hàng hóa Công nghiệp (7,3%)
- Vật liệu (4,8%)
- Năng lượng (4,8%)
- Ngân hàng (4,4%)

QUỸ ĐẦU TƯ

VF4

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4)
Tên tiếng Anh	Vietnam Blue-chips Fund
Mã giao dịch	VFMVF4
Hình thức Quỹ	Quỹ công chứng dạng đóng
Vốn điều lệ	806.460.000.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	80.646.000 đvq
Ngày thành lập	28/02/2008
Ngày niêm yết	12/6/2008
Thời hạn hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC – CN. Tp. HCM
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí giám sát & lưu ký	0,08%/NAV/năm
Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của ĐHNĐT

Mục tiêu đầu tư Đầu tư vào quá trình cổ phần hóa của các doanh nghiệp lớn của nhà nước; cổ phần của các công ty có giá trị cao, sự tăng trưởng đều qua nhiều năm, và có xu hướng tiếp tục sinh lợi nhuận đều đặn trong tương lai.

5 CP chiếm tỷ trọng lớn nhất

Tên cổ phiếu	Thị trường	Tỷ trọng trong NAV (%)
EIB	HOSE	11,2
VNM	HOSE	10,8
DPM	HOSE	10,1
FPT	HOSE	10,0
VCB	HOSE	6,8
Tổng		48,9

Tình hình hoạt động quỹ - Quý II / 2012

Trong Quý II, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn có được đà tăng điểm đến tháng 5 trước khi quay đầu giảm nhẹ vào cuối Quý II.

Đóng cửa phiên giao dịch ngày 30/06/2012, VN-Index đạt 422,4 điểm, giảm -4,2% so với quý trước, HNX-Index đạt 71,1 điểm, giảm -1.6% so với quý trước.

NAV tại ngày 30/06/2012 đạt 6.689 đ/ccq, tăng 3,5% so với 31/03/2012.

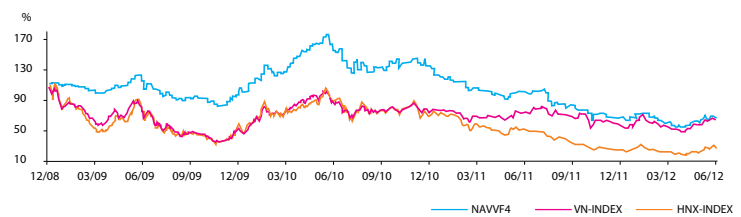
Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	30/06/2012			Tăng trưởng (%)					
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (28/2/2008)
VF4	806,5	539,5	6.689	(0,2)	3,5	21,4	(1,6)	21,4	(131,1)*
VN-Index			422,4	(1,6)	(4,2)	20,1	(1,2)	20,1	(38,5)
HNX-Index			71,1	(4,1)	(1,6)	21,0	(0,4)	21,0	(69,4)

(* sau khi trừ cổ tức 1.000 đồng/cổ phiếu tạm ứng trong 2009 và 1.000 đồng/cổ phiếu tạm ứng trong 2010)

Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index

28/02/2008 = 100



Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	Lũy kế từ đầu năm	Bình quân năm
2012	6,0	8,3	2,1	(5,3)	(0,2)								21,4	47,4
2011	1,0	(13,0)	(3,1)	(4,3)	(12,0)	2,4	(0,6)	3,2	(1,5)	(3,2)	(11,7)	(5,1)	(36,7)	(21,9)
2010	(3,1)	1,5	3,1	7,4	(6,4)	(0,8)	(4,1)	(10,3)	(0,9)	(2,2)	(3,3)	4,9	(13,1)	6,4
2009	(1,3)	(9,0)	8,3	11,2	13,0	6,5	7,6	16,6	6,1	(1,4)	(13,2)	0,5	48,9	48,9
2008			(2,0)	(0,9)	(5,7)	0,4	6,3	11,5	(8,5)	(12,7)	(3,7)	1,7	(17,4)	(17,4)

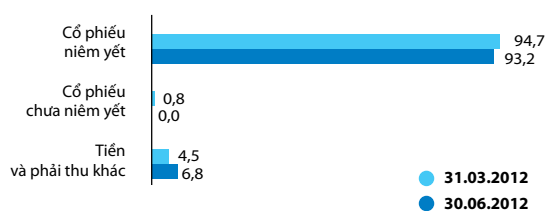
Đánh giá tình hình danh mục đầu tư

	Lãi/lỗ (%)		Tỷ trọng trong NAV (%)
	Quý II/2012	Lũy kế từ đầu năm	
Tăng trưởng NAV (%)	3,5	21,4	100,0
Tổng các khoản đầu tư	4,0	17,6	93,2
Theo loại cổ phiếu			
Cổ phiếu niêm yết	4,0	17,6	93,2
Cổ phiếu chưa niêm yết	7,3	13,5	0,0
5 ngành chiếm tỷ trọng cao nhất			
Ngân Hàng	5,6	16,7	21,1
Dịch vụ Tài chính	3,0	18,5	14,4
Vật Liệu	19,7	32,2	13,7
Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá	(1,6)	3,3	10,8
Bán Lẻ	2,4	16,4	10,0

Tổng giá trị các khoản đầu tư tính đến ngày 30/06/2012 chiếm 93,2% NAV và đang ghi nhận mức tăng trong QII/2012 là 4,0% so với quý trước.

Trong 5 ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong danh mục, ngành Vật liệu cho tỷ suất sinh lợi cao nhất và đạt 19,7%. Tỷ suất lợi nhuận của các ngành Ngân hàng, Dịch vụ Tài chính, và Bán lẻ lần lượt xếp sau với lợi nhuận là 5,6%, 3% , và 2,4% so với quý trước. Tuy vậy ngành Thực phẩm, Nước Giải Khát & Thuốc lá lại mang lợi nhuận âm -1,6% trong Quý II.

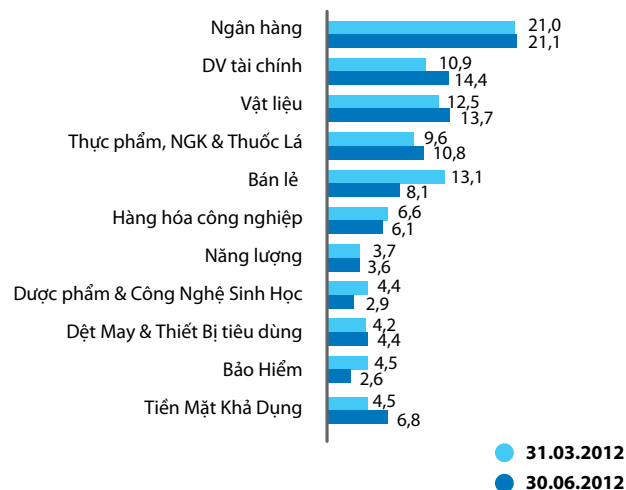
Phân bổ tài sản (%)



Trong Quý II, phân bổ tài sản của Quỹ đầu tư VF4 ghi nhận tỷ trọng tiền mặt tăng do hoạt động thanh toán ròng trong quý. Trong khi đó tỷ trọng của cổ phiếu chưa niêm yết giảm về 0 do một cổ phiếu đã được niêm yết trong Quý II.

Tỷ trọng tiền mặt tăng từ 4,5% (31/03/2012) lên 6,8% (30/06/2012).

Cơ cấu danh mục đầu tư (%)



Trong Quý II, tỷ trọng ngành Dịch vụ Tài chính tăng từ 10,9% (31/03/2012) lên 14,4% (30/06/2012) do hoạt động giải ngân ròng vào ngành này. Hoạt động giải ngân và cổ phiếu tăng giá cũng làm tăng tỷ trọng của các ngành Vật liệu, Thực phẩm – NGK & Thuốc lá, Bán lẻ.

Bên cạnh đó thì 2 ngành Hàng hoá Công nghiệp và ngành Năng lượng có tỷ trọng giảm lần lượt 5% và 0,5% trong kỳ do hoạt động thanh toán ròng của quý.

Danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư VF4 đến ngày 30/06/2012 bao gồm 24 khoản đầu tư, tập trung vào 10 nhóm ngành, trong đó 3 nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất (46,6% NAV và 52,7% tổng giá trị các khoản đầu tư) bao gồm:

- Ngân hàng (21,1%)
- Dịch vụ Tài chính (14,4%)
- Vật liệu (13,7%)

QUỸ ĐẦU TƯ

VFA

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)
Tên tiếng Anh	Vietnam Active Fund
Mã giao dịch	VFMVFA
Hình thức Quỹ	Quỹ công chúng dạng đóng
Vốn điều lệ	240.437.600.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	24.043.760 đvq
Ngày thành lập	02/04/2010
Ngày niêm yết	08/09/2010
Thời hạn hoạt động	5 năm
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân Hàng Far East National - CN TP. HCM
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí giám sát & Lưu ký	0,04%/NAV/năm
Chính sách cổ tức	Tối thiểu 50% lợi nhuận thực hiện hàng năm của Quỹ
Mục tiêu đầu tư	Nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của TTCKVN dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following).

Tình hình hoạt động quỹ - Quý II / 2012

Trong Quý II/2012, thị trường chứng khoán Việt Nam có ít biến động với VN-Index giảm 4,2% và HNX-Index giảm 1,6%. Trong cùng kỳ, NAV của Quỹ đầu tư VFA đạt 7.223,7 đ/ccq, giảm 1,2%.

Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	30/06/2012			Tăng trưởng (%)					Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (02/04/2010)
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng			
VFA	240,4	173,7	7.223,7	(0,0)	(1,2)	1,2	(7,2)	1,2	(27,8)	
VN-Index			422,4	(1,6)	(4,2)	20,1	(2,1)	20,1	(17,3)	
HNX-Index			71,1	(4,1)	(1,6)	21,0	(0,4)	21,0	(56,7)	

Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index

02/04/2010 = 100

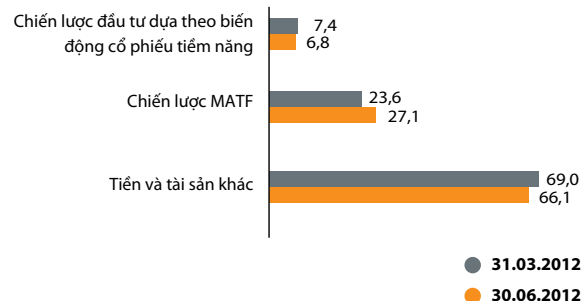


Đánh giá tình hình danh mục đầu tư

	% NAV	IRR QII/2012	Đóng góp vào NAV (%)
Các chiến lược đầu tư theo xu hướng trung và ngắn hạn	0,0	0,0	0,0
Chiến lược MATF	71,0	(1,5)	(1,0)
Chiến lược đầu tư dựa trên biến động của cổ phiếu tiềm năng	7,4	(1,9)	(0,1)
Các khoản đầu tư khác	21,6	3,1	0,7
Tổng	100		(0,5)

Đầu QII/2012, chiến lược đầu tư theo xu hướng dựa trên hệ số bình quân (Model-Averaging-trend-following, gọi tắt là MATF) thực hiện tín hiệu mua và tăng tỷ trọng cổ phiếu của chiến lược này từ mức 23,6% NAV lên trên 60% NAV. Trong giữa QII/2012, chiến lược MATF thực hiện giảm tỷ trọng cổ phiếu nắm giữ khi thị trường diễn biến không thuận lợi. Vì thế, chiến lược MATF có tỷ suất lợi nhuận ở mức -1,5%. Tuy nhiên, với tỷ trọng đầu kỳ vào khoảng 21,6% NAV được đầu tư vào tiền gửi kỳ hạn trung bình, các khoản đầu tư khác có tỷ suất lợi nhuận vào khoảng 3,1% và đóng góp 0,7% cho NAV của quỹ và làm cho tỷ suất lợi nhuận trước phí của quỹ đầu tư VFA vào khoảng -0,5%.

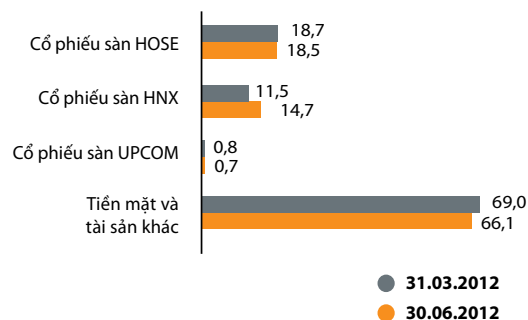
Theo tín hiệu mua bán (%)



Trong QII/2012, chiến lược MATF có mức giải ngân ròng (giải ngân trừ thanh toán) là 9,6 tỷ đồng và nâng tỷ trọng nắm giữ cổ phiếu từ 23,6% NAV lên 27,1% NAV.

Tỷ trọng chiến lược đầu tư dựa theo biến động cổ phiếu tiềm năng giảm nhẹ chủ yếu do biến động về giá.

Phân bổ tài sản (%)



Do đặc thù tính độc lập của tín hiệu mua bán của chiến lược MATF trên VN-Index và HNX-Index nên thời điểm và số lượng giải ngân và thanh toán của chiến lược này trên 2 sàn là khác nhau. Trong QII/2012, chiến lược MATF có mức giải ngân ròng trên các cổ phiếu sàn HNX cao hơn mức giải ngân ròng trên các cổ phiếu sàn HOSE nên tỷ trọng cổ phiếu sàn HNX tăng nhẹ từ 11,5% NAV lên 14,7% NAV trong khi tỷ trọng cổ phiếu sàn HOSE hầu như không đổi ở mức 18,5% NAV.



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

Mã chứng khoán : REE
 Niêm yết tại : HOSE
 Ngành : CÔNG NGHIỆP

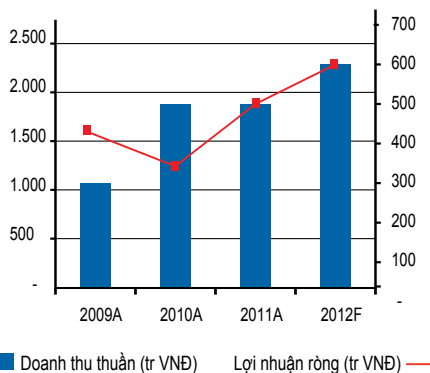
Giới thiệu về công ty

Công Ty Cơ Điện Lạnh (REE) hoạt động kinh doanh trong bốn lĩnh vực cơ điện công trình (REE M&E), sản phẩm điện máy (Reetech), cho thuê văn phòng, và đầu tư chiến lược vào các công ty điện và nước.

Cơ điện công trình là mảng kinh doanh truyền thống của REE, đóng góp khoảng 47% doanh thu ước tính năm 2012. Với kinh nghiệm qua nhiều công trình lớn, REE M&E trở thành nhà thầu chính rất có uy tín và được các chủ đầu tư ưu tiên lựa chọn cho những công trình cao tầng và công trình công nghiệp. Với 32% doanh thu, mảng kinh doanh thiết bị điện máy mang thương hiệu Reetech đã tạo lập được phân khúc giá cả hợp lý và xây dựng niềm tin của người tiêu dùng trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt với các nhãn hiệu uy tín nước ngoài khác.

Mảng cho thuê văn phòng với cụm cao ốc E.Town và các tòa nhà quanh trung tâm thuộc phân khúc hạng B luôn đạt tỷ lệ lấp đầy từ 90-95% hằng năm và mang lại lợi nhuận ổn định cho REE trong nhiều năm qua. Bên cạnh đó, đầu tư của REE vào các công ty điện và nước đang được xem là chiến lược dài hạn nhằm giữ sự ổn định trong tăng trưởng và tính bền vững trong hoạt động kinh doanh.

DOANH THU & LỢI NHUẬN 2009-2012F



Tiềm năng

REE đã đưa cao ốc REE Tower vào kinh doanh với 18.482 m2 sàn cho thuê vào cuối năm 2011, nâng tổng diện tích văn phòng cho thuê lên 110.409 m2. Theo dự báo, giá thuê văn phòng hạng B đã ổn định và có thể sẽ tăng nhẹ trở lại trong năm 2013.

Với vị thế là nhà thầu uy tín về cơ điện công trình, REE M&E được các nhà đầu tư ưu tiên lựa chọn, dự báo tăng trưởng doanh thu bình quân hằng năm khoảng 19% trong vòng 5 năm tới.

Thêm vào đó, REE luôn cân đối ổn định giữa các mảng kinh doanh truyền thống và đầu tư dài hạn từ đó tạo nền tảng cho việc tăng trưởng doanh thu bền vững. Theo ước tính, doanh thu công ty sẽ đạt mức tăng trưởng bình quân hằng năm khoảng 16%.

Ngoài ra, REE sẽ tiếp tục nâng cao tỷ lệ đầu tư vào các công ty điện và nước nhằm đón đầu xu hướng phát triển còn rất tiềm năng trong lĩnh vực này trong tương lai.

Cập nhật Quý II/2012

REE đạt kế hoạch năm 2012 cho tổng doanh thu ở mức 2.248 tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2011 và lợi nhuận sau thuế ở mức 592 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2011.

Kết thúc QI/2012, doanh thu REE đạt 509,4 tỷ đồng, tăng 28% so với cùng kỳ năm trước và lợi nhuận sau thuế đạt 255,6 tỷ đồng, tăng 178% so với cùng kỳ năm trước.

Ước tính QII/2012, doanh thu đạt khoảng 577 tỷ đồng, tăng 27% và lợi nhuận sau thuế ước đạt 110 tỷ đồng, tăng 40% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 6 tháng đầu năm doanh thu ước đạt khoảng 1.087 tỷ đồng, bằng 48% so với kế hoạch. Theo đó, lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 336 tỷ đồng, tương đương 61% kế hoạch năm 2012.

Các chỉ tiêu tài chính	2009A	2010A	2011A	2012F
Doanh thu thuần (tr VND)	1.174,2	1.807,9	1.810,4	2.220,8
Tăng trưởng doanh thu thuần (%)	1,7	54,0	0,1	22,7
Lợi nhuận ròng (tr VND)	430,0	360,5	512,8	614,1
Tăng trưởng lợi nhuận ròng (%)	(379,5)	(16,2)	42,2	19,8
EPS (VND)	5.285,9	2.710,6	2.411,8	2.566,4
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	34,8	27,4	29,9	26,6
Tỷ suất lợi nhuận ròng (%)	36,6	19,9	28,3	27,7
ROA	14,4	8,6	10,0	10,5
ROE	18,9	13,4	15,2	15,4
Giá trị sổ sách (VND)	30.396,9	15.567,1	16.134,3	17.071,6
Nợ/Tổng tài sản (%)	26,4	41,0	27,0	36,0

Nguồn: REE và dự phóng của VFM (2012F)



CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

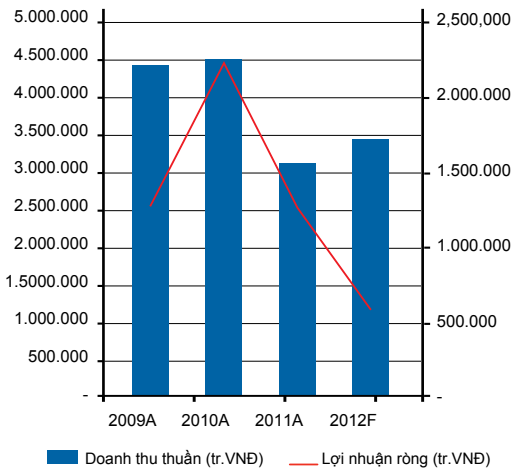
Mã chứng khoán : HAG
 Niêm yết tại : HOSE
 Ngành : BẤT ĐỘNG SẢN

Giới thiệu về công ty

Được thành lập cách đây 19 năm, đến nay Hoàng Anh Gia Lai (HAGL) đã trở thành một trong những tập đoàn tư nhân kinh doanh đa ngành hàng đầu tại Việt Nam. Hiện nay, HAGL hoạt động ở 5 mảng chính: Bất động sản, Cao su, Thủy điện, Khoáng sản và Nội thất với quy mô hoạt động trải dài nhiều tỉnh thành tại Việt Nam và Lào.

Thời gian gần đây, tuy thị trường bất động sản trải qua nhiều thăng trầm, HAGL vẫn có được lợi nhuận đáng kể từ những dự án kinh doanh căn hộ. Năm 2011, công ty đạt 3.150 tỷ doanh thu và 1.702 tỷ lợi nhuận trước thuế. Từ đó, EPS 2011 đạt 2.500 VND/CP. Dù tình hình kinh tế vĩ mô được dự kiến vẫn khó khăn trong 2012, đặc biệt là thị trường nhà đất vẫn ảm đạm nhưng HAGL vẫn đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế là 1.200 tỷ VNĐ.

DOANH THU & LỢI NHUẬN 2009-2012F



Tiềm năng

HAGL hiện đang sở hữu quỹ đất khoảng 71ha với giá rẻ, chủ yếu tại các khu vực đang phát triển như Quận 2, Quận 7, Quận 9, Quận Thủ Đức, Nhà Bè và Thành phố Đà Nẵng... Tính trung bình, chi phí giá vốn đất trên mỗi mét vuông thương phẩm dao động quanh 2,3 triệu VND, chúng tôi cho rằng mức chi phí này rất thấp so với mặt bằng giá hiện nay trong khu vực.

Bên cạnh đó, cho đến cuối 2011 HAGL đã trồng được 36.000ha cao su tại Lào và Việt Nam, phần còn lại 15.000ha sẽ được hoàn thành trong năm nay. Hiện nay, việc quản lý hệ thống vườn cao su này đang được diễn ra khá tốt và nếu không có gì thay đổi thì từ đầu 2013 sẽ bắt đầu cho doanh thu.

Đồng thời, với dự án thủy điện Bá Thước (công suất 80MW) đi vào hoạt động từ giữa năm 2012, không lâu sau đó lần lượt là các thủy điện Nậm Kong 2 (66MW), Nậm Kong 3 (45MW) tại Lào, chúng tôi kì vọng HAGL sẽ có được dòng tiền ổn định hàng năm từ mảng này trong tương lai không xa.

Cập nhật Quý I/2012

Trong năm 2012, HAG đặt kế hoạch 1.200 tỷ lợi nhuận trước thuế, giảm 29% so với kết quả thực hiện năm 2011. Nguyên nhân chủ yếu là do khó khăn trên thị trường bất động sản.

Kết thúc Quý I/2012, doanh thu của HAG đạt 870 tỷ, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2011. Tuy nhiên lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 99 tỷ, giảm 83% so với Quý I/2011 và đạt 8% kế hoạch năm 2012. Nguyên nhân chủ yếu là do trong Quý I/2011 HAG có khoản doanh thu tài chính 359 tỷ (chuyển nhượng cổ phần trong công ty con là công ty bất động sản Hoàng Anh).

Các chỉ tiêu tài chính	2009A	2010A	2011A	2012F
Doanh thu thuần (tr.VND)	4.365.308,7	4.524.887,6	3.150.251,0	3.447.301,0
Tăng trưởng doanh thu thuần (%)	132,1	3,7	(30,4)	9,4
Lợi nhuận ròng (tr.VND)	1.286.898,7	2.246.540,7	1.325.315,0	612.141,2
Tăng trưởng lợi nhuận ròng (%)	68,1	74,6	(41,0)	(53,8)
EPS (VND)	2.930,4	4.903,0	2.499,5	1.154,5
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	46,0	50,7	45,2	40,5
Tỷ suất lợi nhuận ròng (%)	29,5	49,6	42,1	17,8
ROA	18,5	20,7	9,8	5,2
ROE	28,1	30,5	12,5	5,6
Giá trị sổ sách (VND)	17.420,0	29.793,2	20.113,4	20.967,7
Nợ/Tổng tài sản (%)	43,0	31,3	45,5	48,5

Nguồn : HAG và dự phóng của VFM (2012F)

HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC NHÀ ĐẦU TƯ

I. Giao dịch chứng chỉ Quỹ đầu tư do công ty VFM quản lý

Trong Quý II/2012, hoạt động giao dịch chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 giảm gần 30% so với Quý I, tổng giá trị giao dịch của Quỹ đạt khoảng 65 tỷ đồng. Cũng trong xu thế giảm, số lượng giao dịch của chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4 giảm gần 50% so với Quý I, đạt hơn 28 tỷ đồng, tuy nhiên Quỹ đầu tư VF4 có nhiều hoạt động giao dịch thỏa thuận hơn so với Quỹ đầu tư VF1, với mức giá trung bình khoảng 5.100 đồng/ đơn vị quỹ. Sau hơn 1

năm kể từ ngày niêm yết, giao dịch của Quỹ đầu tư VFA không nhiều, số lượng lớn chủ yếu là giao dịch thỏa thuận.

Tỷ lệ chiết khấu giữa giá giao dịch so với NAV của các quỹ VF4 & VFA đã giảm, song tỷ lệ này của Quỹ đầu tư VF1 vẫn đang ở mức cao (theo bảng dưới đây).

Tên quỹ	Tổng khối lượng giao dịch trong Quý II/2012 (đơn vị)	Tổng giá trị giao dịch trong Quý II/2012 (đồng)	Giá giao dịch trung bình (đồng/đơn vị)	Tỷ lệ chiết khấu trung bình giữa giá so với NAV (%)
Quỹ đầu tư VF1	7.079.550	64.731.770.000	8.400	(45,25)
Quỹ đầu tư VF4	5.280.450	28.309.903.000	5.298	(22,80)
Quỹ đầu tư VFA	249.960	1.430.000.000	7.351	(23,38)

II. Thay đổi địa chỉ trụ sở và chi nhánh công ty VFM

Theo giấy phép số 36/GPĐC-UBCK do UBCK nhà nước cấp ngày 28/05/2012 và quyết định số 361/QĐ-UBCK, Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam thay đổi địa chỉ của trụ sở chính và chi nhánh của công ty cùng các quỹ: Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1), Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VF2), Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4), Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA) như sau:

• Trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: **Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Melinh Point Số 2, Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM**
Điện thoại: +84 8 3825 1488
Fax: +84 8 3825 1489
Hotline: +84 8 3825 1480
Website: www.vinafund.com

• Chi nhánh tại Hà Nội:

Địa chỉ: **Phòng 903, tầng 9, tòa nhà HCO 44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**
Điện thoại: +84 4 3942 8168
Fax: +84 4 3942 8169
Website: www.vinafund.com

Với những thuận lợi về giao thông, không gian làm việc, tính năng động của văn phòng mới, kết hợp với việc gia tăng chất lượng phục vụ chuyên nghiệp, công ty VFM tin tưởng vào sự hợp tác bền vững, lâu dài với Quý nhà đầu tư và Quý công ty.

Cập nhật THÔNG TIN PHÁP LÝ

Vào Quý II/2012, Nhà nước đã ban hành 02 văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán, cụ thể là:

1. Thông tư số 52/2012/TT-BTC được ban hành ngày 05/4/2012 và có hiệu lực từ ngày 01/6/2012, thay thế cho Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Theo đó, Thông tư này quy định một số điều kiện khắt khe hơn trong việc công bố thông tin và thông tin của các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán được minh bạch hơn, nhưng đồng thời cũng bỏ đi một số nội dung trong Thông tư 09/2010/TT-BTC để phù hợp với thị trường, chẳng hạn như:

- Bỏ phần quy định về việc báo cáo trước khi giao dịch của cổ đông lớn của các công ty niêm yết, nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc giao dịch.
- Yêu cầu các công ty chứng khoán phải công bố tỷ lệ vốn khả dụng/tổng rủi ro được soát xét cùng thời điểm với công bố báo cáo bán niên và báo cáo năm kiểm toán nhằm đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư.
- Yêu cầu Cổ đông nội bộ/ Nhà đầu tư nội bộ không được đăng ký mua và bán chứng khoán trong cùng một khoảng thời gian và chỉ được đăng ký giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó. Cổ đông nội bộ/ Nhà đầu tư nội bộ phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nếu không mua/bán hết khối lượng chứng khoán đã đăng ký. Quy định này làm giảm tình trạng lướt sóng của các Cổ đông nội bộ/ Nhà đầu tư nội bộ, tránh gây nhiễu loạn thông tin cho các nhà đầu tư nhỏ.
- Các công ty đại chúng quy mô lớn có vốn điều lệ thực góp trên 120 tỷ đồng và có trên 300 cổ đông thì dù không niêm yết trên sàn cũng phải thực hiện công bố thông tin tương tự như công ty niêm yết. Quy định này làm tăng tính minh bạch của các công ty lớn, và đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.
- Quy định rõ việc công bố thông tin phải được thực hiện bằng tiếng Việt, tùy trường hợp mà có thể bổ sung thêm ngôn ngữ khác.
- Quy định rõ những trường hợp được tạm hoãn công bố thông tin, chẳng hạn như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh và những trường hợp khác được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho tạm hoãn công bố thông tin.
- Ngoài ra, Thông tư đưa ra những quy định chi tiết hơn về những chế tài xử lý vi phạm công bố thông tin và trách nhiệm bồi thường; thời hạn lập và công bố thông tin báo cáo tài chính; cũng như những quy định chặt chẽ hơn về thực hiện chế độ kế toán.

Tiếp theo đó, để tạo điều kiện cho việc áp dụng Thông tư 52/2012/TT-BTC, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 515/QĐ-UBCK ngày 25/6/2012 về việc ban hành quy trình thực hiện công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán nhà nước và báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước cho các đối tượng tham gia thị trường chứng khoán.

2. Thông tư số 81/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/5/2012 hướng dẫn về phát hành Trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước. Văn bản này quy định về các điều kiện, trình tự thủ tục cho việc phát hành Trái phiếu chính quyền địa phương trong nước, giúp cho hệ thống văn bản được thống nhất và nâng cao chất lượng của các loại chứng khoán gia nhập thị trường.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

Trụ sở chính

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Melinh Point
Số 2, Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3825 1488 Fax: (84.8) 3825 1489

Chi nhánh tại Hà Nội

Phòng 903, tầng 9, tòa nhà HCO
44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (84.4) 3942 8168 Fax: (84.4) 3942 8169

ir@vinafund.com | www.vinafund.com